

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/DS – ST
Ngày: 26 – 8 – 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương
2. Bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” thụ lý số 213/2022/TLST – DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2022/QĐXXST – DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Hồng V (tên thường gọi là Chị T), sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A, đường B, khóm C, phường D, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Giang Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số E, khóm F, phường D, thành phố X, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2022, Tờ tường trình ngày 17/8/2022, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Huỳnh Hồng V trình bày:**

Được sự giới thiệu của Cẩm L, có tên đầy đủ là Nguyễn Thị H1, bà có tham gia nhiều dây hụi do bà Giang Thị H làm chủ với tên gọi là Chị T. Ban đầu, bà H khai và giao hụi đầy đủ. Sau mùa dịch Covid – 19, vào tháng 10/2021, bà H tổ chức khai hụi lại một thời gian rồi ngưng, không giao tiền hụi lại cho bà mà trì hoãn qua tin nhắn điện thoại. Bà nhiều lần đến gặp bà H để thương lượng nhưng bà H không có thiện chí mà còn thách thức thừa kiện. Số tiền bà đã nộp hụi cho bà H như sau:

- Hội tháng 3.000.000 đồng, mở hội vào ngày 26 hàng tháng, có 18 phần. Hội mở ngày 26/5/2020, kết thúc ngày 26/10/2021. Bà tham gia 01 phần và đã đóng 16 lần. Theo sổ hội, bà đóng cho chủ hội số tiền thực tế là 42.255.000 đồng.

- Hội tháng 2.000.000 đồng, mở hội vào ngày 07 hàng tháng, có 18 phần. Hội mở ngày 07/6/2020, kết thúc ngày 07/11/2021. Bà tham gia 01 phần và đã đóng 16 lần. Theo sổ hội ghi nhận thì bà nộp thực tế là 26.010.000 đồng.

- Hội 500.000 đồng, 10 ngày khui 01 lần, vào các ngày 10, 20, 30 hàng tháng, có 36 phần. Hội mở ngày 10/02/2021, kết thúc ngày 30/01/2022. Bà tham gia 06 phần và đã đóng được 22 lần. Theo sổ hội ghi nhận, tiền vốn bà nộp sau khi khui là 47.620.000 đồng.

- Hội tuần 300.000 đồng, khui hội thứ ba hàng tuần, có 52 phần. Hội mở ngày 22/12/2020, kết thúc ngày 14/12/2021. Bà tham gia 6 phần và đã đóng 40 lần. Theo sổ hội ghi nhận thì bà nộp tiền thực tế là 57.900.000 đồng.

- Hội tuần 300.000 đồng, mở hội thứ tư hàng tuần, có 52 phần. Hội mở ngày 23/12/2020, kết thúc ngày 15/12/2021. Bà tham gia 2 phần và đã đóng 40 lần. Theo sổ hội ghi nhận, tiền bà nộp là 15.200.000 đồng.

- Hội tuần 200.000 đồng, mở hội thứ hai hàng tuần, có 52 phần. Hội mở ngày 07/12/2020, kết thúc ngày 29/11/2021. Bà tham gia 6 phần và đã đóng 42 lần. Theo sổ hội ghi nhận nộp cho chủ hội là 40.380.000 đồng.

Đáng lẽ ra, bà yêu cầu bà H phải trả đủ là 292.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà H cũng khó khăn nên bà chỉ yêu cầu nhận lại tiền vốn thực tế đã nộp sau khi khui của các dây hội trên với tổng số tiền là 225.365.000 đồng. Do bà nộp tiền hội trực tiếp cho chủ hội nên bà không đồng ý cản trừ hội của Huỳnh Thị L1, của T1, của K, của Tổ T2. Bà H chủ động vay tiền của người khác để trần hội, bà không có cho bà H vay 70.000.000 đồng như bà H đã trình bày.

**** Theo văn bản đề ngày 28/7/2022, nộp cho Tòa án ngày 12/8/2022 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Giang Thị H trình bày:***

Bà Huỳnh Hồng V, có tham gia các dây hội do bà làm chủ với tên là Chị T. Theo sổ sách ghi lại thì Chị T nộp được tiền như sau:

- Hội tuần 200.000 đồng, mở ngày 07/12/2020, kết thúc 29/11/2021: dây 1, tham gia 03 phần, nộp được 19.320.000 đồng; dây 2, tham gia 03 phần, nộp được là 19.245.000 đồng.

- Hội tuần 300.000 đồng, mở ngày 22/12/2020, kết thúc ngày 14/12/2021: dây 1, tham gia 03 phần, nộp được 28.275.000 đồng; dây 2, tham gia 03 phần, nộp được 28.065.000 đồng.

- Hội tuần 300.000 đồng, mở ngày 23/12/2020, kết thúc 15/12/2021: bà V tham gia 02 phần, tiền hội nộp được là 18.560.000 đồng.

- Hội 5000.000 đồng, 10 ngày, mở ngày 10/02/2021, kết thúc ngày 30/01/2022): dây 1, tham gia 03 phần, tiền hội nộp được là 23.640.000 đồng; dây 2, tham gia 01 phần, tiền hội nộp được là 7.440.000 đồng; dây 3, tham gia 02 phần, tiền hội nộp được là 15.760.000 đồng.

- Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 07/6/2020 kết thúc ngày 07/11/2020: bà V tham gia 01 phần, hui sống nộp được là 26.430.000 đồng.

- Hui tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 26/5/2020 kết thúc 16/10/2021: bà V tham gia 01 phần, tiền hui sống nộp được là 39.385.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hui sống bà V, tức Chị T đã nộp là 226.120.000 đồng.

Quá trình bà làm chủ hui, được sự giới thiệu, bảo lãnh của bà V, bà cho bà Huỳnh Thị L1 (tên khác Năm L1) là chị ruột của bà V, ông T1, bà Tổ T2 là cháu ruột của bà V, bà K là cháu dâu của bà V tham gia chơi hui. Bà L1 đã hốt nhiều dây hui, hiện nay còn nợ tiền hui chết là 116.160.000 đồng, T1 còn nợ hui chết là 77.500.000 đồng, K còn nợ hui chết là 19.500.000 đồng, Tổ T2 còn nợ hui chết là 14.400.000 đồng. Sau khi không thể mở hui tiếp, giữa bà và bà V có thỏa thuận tiền hui sống của bà V được trừ cần sang những người thân của bà V là L1, T1, K, Tổ T2. Sự thỏa thuận này không được lập thành văn bản nhưng có sự chứng kiến của là bà Vũ Thị N, bà Ngô Thị Bạch T3, bà Võ Thị Thanh H1 (Võ Thị Ngọc B). Ngoài ra, để có tiền trả hui cho những người thân của Chị T (bà V) thì bà có vay tiền của Chị T 70.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, trả và vốn 91.000.000 đồng. Tức là bà V lấy lãi 30%/01 tháng. Do đó, bà yêu cầu người thân của bà Chị T phải trả tiền nợ hui và chịu thêm tiền lãi theo quy định pháp luật trong thời gian 04 năm kể từ tháng 01/2019 tới nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Huỳnh Hồng V và bà Giang Thị H là tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường D, thành phố X, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

Về nội dung:

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn, đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa các bên có xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng góp hui được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Từ đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của chủ hui và thành viên tham gia hui.

[3] Tại thời điểm xét xử, các dây hui đã kết thúc, nguyên đơn vẫn chưa lĩnh được hui. Như vậy, việc bị đơn là chủ hui, đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ nộp thay phần hui của thành viên khác không góp phần là đã vi phạm nghĩa vụ được quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên tham gia hui, Hội đồng xét xử quyết định buộc bà Giang Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Hồng V số tiền hui đã nhận theo yêu cầu của bà V là 225.365.000 đồng.

[4] Do yêu cầu cản trừ tiền nợ hui của bà Huỳnh Hồng V với thành viên khác không được bà V đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật về hui nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với những thành viên khác không góp hui chết và tranh chấp hợp đồng vay tiền với cá nhân khác, bà H có thể khởi kiện yêu cầu họ thực hiện nghĩa vụ bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà Huỳnh Hồng V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.300.000 đ (bảy triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001423 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Bà Giang Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.268.000 đ (mười một triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Giang Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Hồng V tiền hui còn nợ là 225.365.000 đ (hai trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà Huỳnh Hồng V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.300.000 đ (bảy triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001423 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Bà Giang Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.268.000 đ (mười một triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích theo Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.Long Xuyên
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Phạm Xuân Khanh